TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS–ST

Ngày: 06-01-2021

V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Chót
- Bà Nguyễn Thị Mơ

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2020/TLST–DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2020/QĐXXST – DS ngày 28/12/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Mai Thị H, sinh năm 1981; anh Nguyễn Tấn C, sinh năm 1982; cùng địa chỉ: 66/3 ấp M, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Chị Mai Thị H ủy quyền cho anh Nguyễn Tấn C tham gia tố tụng.

- Bị đơn:

1. anh Trần Hoàng K, sinh năm 1973; địa chỉ: 42/3 ấp PA, xã K, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. chị Hồ Thị Thanh T, sinh năm 1979; địa chỉ: 77/4 ấp KP, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị Hồ Thị Thanh T ủy quyền cho anh Trần Hoàng K tham gia tố tụng.

Anh Trần Hoàng K có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Tấn C đồng thời được sự ủy quyền của chị Mai Thị H trình bày:

Vào ngày 18/02/2019 vợ anh là Mai Thị H có cho chị Hồ Thị Thanh T vay số tiền 16.400.000 đồng; lãi suất 4%/tháng; đến ngày 27/8/2019 chị H tiếp tục cho chị T vay số tiền 60.000.000 đồng; lãi suất hai bên thỏa thuận là 4%/tháng; cả hai lần vay hai bên không thỏa thuận thời hạn vay. Sau khi vay thì chị T không thực hiện nghĩa

vụ trả lãi như thỏa thuận. Số tiền chị T vay là tiền chung của vợ chồng anh. Mục đích chị T vay tiền là để sử dụng chung trong gia đình nên anh K là chồng chị T hoàn toàn biết việc này. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Hồ Thị Thanh T và anh Trần Hoàng K có nghĩa vụ liên đới trả cho anh và chị Mai Thị H số tiền nợ gốc là 76.400.000 đồng và tiền lãi cụ thể như sau:

+ Số tiền 16.400.000 đồng vốn gốc tính từ ngày 18/02/2019 đến ngày 06/01/2021 là 22 tháng 18 ngày với mức lãi suất 0,83 %/tháng là 16.400.000 đồng x 22 tháng 18 ngày x 0,83%/tháng = 3.076.312 đồng

+ Số tiền 60.000.000 đồng vốn gốc tính từ ngày 27/8/2019 đến ngày 27/10/2020 là 16 tháng 09 ngày với mức lãi suất 0,83 %/tháng là 60.000.000 đồng x 16 tháng 09 ngày x 0,83%/tháng = 8.117.400 đồng.

Tổng cộng số tiền anh K và chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho anh và chị H là 87.593.712 đồng. Đối với số tiền 30.913.600 đồng thì anh C, chị H xin rút yêu cầu khởi kiện.

Theo nội dung bản tự khai ngày 16/11/2020 bị đơn Trần Hoàng K đồng thời được sự ủy quyền của chị Hồ Thị Thanh T trình bày: Anh K đồng ý trả số tiền vốn cho chị Mai Thị H như nội dung đơn của chị H. Tuy nhiên anh K không đồng ý trả số lãi mà chị H yêu cầu do lãi suất quá cao; anh K đề nghị Tòa giải quyết số lãi theo quy định đồng thời anh xin được vắng mặt trong phiên xét xử của Tòa án. Anh K cam kết không khiếu nại gì về sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Hồ Thị Thanh T hiện đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 77/4 ấp Khu Phố, xã Đại Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre và Trần Hoàng K hiện đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 42/3 ấp Phú Long Phụng A, xã Phú Khánh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: anh Trần Hoàng K có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định.

[4] Xét yêu cầu của anh Nguyễn Tấn C, chị Mai Thị H về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 30.913.600 đồng. Xét thấy: việc anh C, chị H rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 217, 218 và Điều 219 của Bộ luật Tố Tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nội dung vụ án: chị Mai Thị H, anh Nguyễn Tấn C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Hồ Thị Thanh T và anh Trần Hoàng K có nghĩa vụ liên đới trả cho chị H, anh C số tiền là 87.593.712 đồng. Anh K đồng ý trả số tiền vốn cho chị Mai Thị H như nội dung đơn của chị H. Tuy nhiên anh K không đồng ý trả số lãi mà chị H yêu cầu do lãi suất quá cao và anh K đề nghị Tòa giải quyết số tiền lãi theo quy định.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của chị H, anh C xét thấy: hợp đồng vay tài sản giữa chị H và chị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 116, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Chứng cứ là sự thừa nhận của anh K đồng thời được sự ủy quyền của chị Hồ Thị Thanh T về việc hiện nay chị T, anh K còn nợ chị H, anh C số tiền nợ là 76.400.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện chị T, anh K đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó việc chị Mai Thị H và anh Nguyễn Tấn C yêu cầu chị Hồ Thị Thanh T và anh Trần Hoàng K có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Mai Thị H và anh Nguyễn Tấn C số tiền nợ gốc 76.400.000 đồng và tiền lãi 11.193.712 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Chị Hồ Thị Thanh T và anh Trần Hoàng K phải liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 87.593.712 đồng x 5% = 4.379.686 đồng.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ–CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị H, anh Nguyễn Tấn C về việc yêu cầu chị Hồ Thị Thanh T và anh Trần Hoàng K có nghĩa vụ liên đới trả cho chị H, anh C số tiền 30.913.600 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị H, anh Nguyễn Tấn C. Buộc chị Hồ Thị Thanh T và anh Trần Hoàng K có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Mai Thị H, anh Nguyễn Tấn C số tiền là 87.593.712 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Hồ Thị Thanh T và anh Trần Hoàng K có nghĩa vụ liên đới chịu 4.379.686 đồng.

Chị Mai Thị H và anh Nguyễn Tấn C được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.925.000 đồng theo biên lai thu số 0003171 ngày 05 tháng 10 năm 2020.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tơ